

Số: /KH-UBND

Như Xuân, ngày tháng năm 2023

KẾ HOẠCH

Quy hoạch, sắp xếp mạng lưới các điểm trường cấp học Mầm non, Tiểu học giai đoạn 2023-2025

Căn cứ Quyết định số 2820/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về phê duyệt Đề án sắp xếp các trường MN, TH, THCS và trường phổ thông có nhiều cấp học trên đại bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021- 2025; Nghị quyết số 04-NQ/HU ngày 03 tháng 8 năm 2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trên đại bàn huyện Như Xuân, giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Kế hoạch số: 166/KH-UBND ngày 24/8/2021 của UBND huyện Như Xuân về Kế hoạch quy hoạch, sắp xếp mạng lưới điểm trường đến năm 2025.

UBND huyện Như Xuân xây dựng kế hoạch quy hoạch, sắp xếp mạng lưới các điểm trường bậc học mầm non, tiểu học giai đoạn 2023-2025 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Quy hoạch, sắp xếp mạng lưới điểm trường, lớp học để phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế của địa phương nhằm tập trung đầu tư có trọng điểm, sử dụng tối đa hiệu quả, bền vững cơ sở vật chất phục vụ cho nhu cầu học tập, tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh đến trường và nâng cao chất lượng giáo dục, chăm sóc, nuôi dưỡng.

2. Yêu cầu

Việc rà soát, quy hoạch đảm bảo phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội ở các địa phương; đảm bảo tính khoa học, hợp lý, bảo đảm điều kiện tốt nhất cho người học và tạo được sự đồng thuận của Nhân dân, các bậc phụ huynh học sinh.

II. ĐỐI TƯỢNG, NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ

1. Đối tượng sắp xếp

- Các điểm trường lẻ của các trường Mầm non, Tiểu học, Tiểu học & THCS trên địa bàn toàn huyện.

- Các điểm trường học có quy mô nhỏ; điểm trường đang học mượn tại các nhà văn hóa thôn, khu phố; các điểm trường có khoảng cách gần với các điểm chính hoặc điểm lẻ lân cận, các điểm lẻ hoạt động không có hiệu quả.

2. Nguyên tắc sắp xếp

Sắp xếp các điểm trường mầm non, tiểu học, Tiểu học&THCS địa bàn huyện cho phù hợp với các quy định của pháp luật và tình hình thực tế của các địa phương, việc sắp xếp phải có lộ trình, thời gian cụ thể, đảm bảo không gây xáo trộn việc tổ chức dạy học của các trường học. Quá trình sắp xếp phải đảm bảo sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực, cơ sở vật chất hiện có góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đáp ứng tốt nhu cầu học tập của nhân dân các dân tộc trong huyện.

3. Tiêu chí sắp xếp

Dồn điểm lẻ của một số trường Mầm non, Tiểu học, Tiểu học&THCS theo hướng dồn về khu trung tâm hoặc liên thôn trong cùng 1 xã nhằm đến hết năm 2025 giảm tối đa các điểm lẻ. Rà soát một số điểm trường khu lẻ giáp ranh giữa hai xã để dồn điểm cho phù hợp. Giảm điểm lẻ có ít học sinh, hoạt động không hiệu quả, giao thông đi lại thuận lợi để tổ chức ăn bán trú hoặc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018.

III. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

1. Quy mô các trường học

Giữ nguyên số trường hiện có đến năm 2025 theo Quyết định số 2820/QĐ-UBND ngày 27/7/2021 của UBND tỉnh, cụ thể như sau:

Tổng số trường hiện có: 52 trường. Trong đó: Mầm non: 18 trường; Tiểu học: 12 trường; TH&THCS: 6 trường; THCS:12 trường; THPT:2 trường; THCS&THPT:1 trường; TTGDNN-GDTX: 1 đơn vị.

2. Sắp xếp các điểm trường, lớp cấp Mầm non, Tiểu học

Số điểm trường hiện có: 56 điểm lẻ.

Nhiệm vụ trong giai đoạn 2023-2025, toàn huyện giảm 24 điểm lẻ (cấp Mầm non giảm 12 điểm lẻ; Tiểu học giảm 12 điểm lẻ). Cụ thể như sau:

- Sắp xếp điểm lẻ các trường Mầm non: Yên Lễ, Hoá Quý, Cát Tân, Tân Bình, Thanh Lâm, Thanh Quân, Thanh Sơn, Thanh Xuân, Thượng Ninh, Xuân Bình, Xuân Hòa, Xuân Quý.

- Sắp xếp điểm lẻ các trường Tiểu học: Yên Lễ, Hoá Quý, Cát Tân, Bãi Trành, Thanh Lâm, Thanh Phong, Thanh Quân, Thanh Sơn, Thượng Ninh, Xuân Bình, Xuân Hoà.

Theo lộ trình sắp xếp:

Năm học 2023-2024: sắp xếp 13 điểm; Chuyển 01 điểm lẻ từ MN Hóa Quý về MN Xuân Quý.

Năm học 2024-2025: sắp xếp 7 điểm;

Năm học 2025-2026: sắp xếp 4 điểm.

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tăng cường công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức về vai trò và tầm quan trọng của việc sắp xếp lại các điểm trường trong từng cấp ủy, chính quyền, các tổ chức chính trị xã hội, các tầng lớp Nhân dân và đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh. Việc triển khai sắp xếp điểm trường thực hiện một cách đồng bộ, tạo sự đồng thuận, thống nhất cao của phụ huynh học sinh và Nhân dân.

2. Rà soát kiểm tra đánh giá hiện trạng cơ sở vật chất; trang thiết bị dạy học; xác định nhu cầu của từng trường, từ đó tham mưu tập trung lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình dự án của Chính phủ, của tỉnh, ngân sách huyện, tiết kiệm của sự nghiệp giáo dục, ngân sách xã, thị trấn và bằng các nguồn thu hợp pháp khác để đầu tư cơ sở vật chất các trường trong kế hoạch dồn điểm lẻ nhằm đáp ứng đủ các điều kiện học tập sau khi sắp xếp lại. Không đầu tư các cơ sở vật chất tại các điểm trường nằm trong kế hoạch sắp xếp, trừ trường hợp phát sinh đột xuất thật sự cần thiết và phải báo cáo các cấp lãnh đạo phụ trách trực tiếp trước khi thực hiện.

3. Thực hiện tốt công tác quản lý cơ sở vật chất sau sắp xếp các điểm lẻ. Đối với các điểm trường đã thực hiện sắp xếp (không còn sử dụng), thực hiện đánh giá và di chuyển cơ sở vật chất về điểm chính và các điểm lẻ đang tổ chức dạy học; tổ chức bàn giao tài sản, đất đai... cho các địa phương quản lý, sử dụng theo quy định.

4. Tăng cường phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ được giao giữa các cơ quan, ban, ngành từ cấp huyện đến các xã, thị trấn nhằm thực hiện sắp xếp các điểm trường theo đúng lộ trình, đảm bảo không gây xáo trộn trong việc tổ chức dạy và học ở các trường học.

5. Các trường học chủ động trong việc huy động học sinh ra lớp một cách tối đa, tránh để học sinh phải nghỉ học, bỏ học do các bất cập trong việc dồn điểm trường; tổ chức thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục Mầm non và chương trình phổ thông 2018. Duy trì và củng cố vững chắc kết quả phổ cập giáo dục Mầm non trẻ 5 tuổi, phổ cập GDTH và phổ cập THCS, xóa mù chữ.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Giáo dục và Đào tạo

- Phối hợp với các xã, thị trấn trên địa bàn rà soát, thống nhất quy hoạch để có hướng sắp xếp quy mô và tham mưu đầu tư phù hợp, hiệu quả, lâu dài.

- Phối hợp với các phòng, ban liên quan và các xã, thị trấn sắp xếp, chuyển đổi, bàn giao cơ sở vật chất các điểm trường theo quy định và các nhiệm vụ khác có liên quan.

2. Phòng Nội vụ

Phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo tham mưu phối hợp xây dựng phương án nhân sự, bố trí sắp xếp đội ngũ giáo viên hợp lý phục vụ năm học

3. Phòng Tài nguyên – Môi trường

Phối hợp với các xã, thị trấn, Phòng GD&ĐT rà soát diện tích đất hiện có và nhu cầu tăng thêm của các đơn vị, xây dựng phương án quy hoạch và giao quyền sử dụng để đảm bảo đủ diện tích sử dụng.

4. Phòng Tài chính – Kế hoạch

Sắp xếp, phân bổ nguồn kinh phí chi cho phát triển sự nghiệp giáo dục đảm bảo đúng quy định.

5. Phòng Kinh tế - Hạ tầng

Phối hợp với các Phòng Giáo dục và Đào tạo, Phòng TC-KH huyện quan rà soát các hạng mục đầu tư cho giáo dục theo lộ trình đảm bảo kịp thời, đúng tiến độ, hiệu quả.

6. UBND các xã, thị trấn

UBND các xã, thị trấn báo cáo chủ trương sắp xếp lại các điểm trường với Đảng uỷ; phối hợp với MTTQ và cá đoàn thể tuyên truyền rộng rãi về kế hoạch dồn các điểm trường, tạo sự đồng thuận trong nhân dân; tiếp nhận và sử dụng hiệu quả CSVC các điểm trường không hoạt động có hiệu quả, tránh lãng phí; Tiếp tục rà soát diện tích các điểm trường để bổ sung quy hoạch đảm bảo diện tích khi dồn điểm đủ diện tích theo quy định.

7. Các trường MN, TH, TH&THCS

Tham mưu cho cấp uỷ đảng, chính quyền và hệ thống chính trị ở địa phương tích cực tuyên truyền về chủ trương, hiệu quả của việc sắp xếp các điểm trường đến cán bộ, Nhân dân, phụ huynh học sinh được biết và tạo sự đồng thuận trong tổ chức thực hiện. Bàn giao CSVC các điểm trường đã ngừng hoạt động cho địa phương quản lý theo quy định hoặc sử dụng vào các công việc chuyên môn khác nhưng phải đảm bảo hiệu quả, quản lý tốt được sự đồng ý của chính quyền địa phương. Nắm chắc tình hình học sinh, phân tuyến phù hợp để học sinh đến các điểm trường đảm bảo cự ly, điều kiện tốt nhất cho người học và phụ huynh. Bổ sung bàn ghế, CSVC cho các điểm có học sinh chuyển đến do dồn điểm; tu sửa, nâng cấp các phòng học xuống cấp; tham mưu cho địa phương bổ sung thêm các công trình phụ trợ nếu còn thiếu./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT (báo cáo);
- Đ/c Bí thư Huyện uỷ (báo cáo);
- Thường trực HĐND huyện (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Văn phòng HĐND&UBND huyện;
- Phòng: GD&ĐT, TC-KH, NV, KT-HT, TN-MT;
- UBND các xã, thị trấn;
- Các trường học thuộc huyện;
- Công TTĐT huyện;
- Lưu: VT, GDĐT (3b).

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Đồng

KẾ HOẠCH SẮP XẾP CÁC ĐIỂM LỄ TRƯỜNG MÀM NON, TIỂU HỌC TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐẾN NĂM 2025
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 8 năm 2023 của UBND huyện Như Xuân)

TT	Tên đơn vị, điểm trường	Số điểm trường	TS nhóm, lớp	Tổng số HS	Kế hoạch sắp xếp			Số điểm lễ sau năm học 2025 - 2026
					Năm học 2023 - 2024	Năm học 2024 - 2025	Năm học 2025 - 2026	
I	Thị trấn Yên Cát							
1	MN Yên Lễ	4	19	306				
	-Điểm chính	1	10	153				
	-Điểm lễ Quế	1	4	52				1
	-Điểm lễ Cát Tiên	1	3	55		Chuyển về khu Quế		
	-Điểm lễ Xuân Thịnh	1	2	46	Chuyển về khu chính			
2	TH&THCS Yên Lễ	3	16	373				
	-Điểm chính	1	10	221				
	-Điểm lễ Xuân Thịnh	1	1	13	Chuyển về khu chính			
	-Điểm lễ Quế	1	5	139				1
II	Xã Hóa Quý							
1	MN Hóa Quý	5	21	328				
	-Điểm chính	1	11	197				
	-Điểm lễ Liên Hiệp	1	5	66				1
	-Điểm lễ Đồng Tâm	1	3	45				1
	-Điểm Lễ Thanh Lương	1	1	14	Chuyển giao lại cho MN Xuân Quý quản lý			
	-Điểm Lễ Xuân Đàm	1	1	6	Chuyển về khu Thanh Lương			
2	MN Xuân Quý	1	11	160				
	-Điểm chính	1	11	160				
	-Điểm Lễ Thanh Lương	1	1	20	Tiếp quản lại từ MN Hóa Quý			1

3	TH Hóa Quý	4	27	582			
	-Điểm chính	1	13	363			
	-Điểm lẻ Đồng Tâm	1	5	107			1
	-Điểm lẻ Luồng Đồng	1	5	83	Chuyển về khu chính		
	-Điểm lẻ Xuân Đàm	1	4	29			1
III	Xã Bình Lương						
1	MN Bình Lương	2	12	211			
	-Điểm chính	1	8	146			
	-Điểm Lẻ Hợp Thành	1	4	65			1
2	TH&THCS Bình Lương	2	15	331			
	-Điểm chính	1	10	208			
	-Điểm lẻ Làng Mài	1	5	123			1
IV	Xã Cát Tân						
1	MN Cát Tân	3	13	199			
	-Điểm chính	1	10	158			
	-Điểm lẻ Phụ Vân	1	3	41			1
	-Điểm lẻ Cát Thịnh	1	1	25	Chuyển về khu lẻ Phụ Vân		
2	TH Cát Tân	2	13	290			
	-Điểm chính	1	11	263			
	-Điểm lẻ Phụ Vân	1	2	27	Chuyển về khu chính		
V	Xã Cát Vân						
1	MN Cát Vân	1	10	209			
2	TH&THCS Cát Vân	1	10	277			
VI	Xã Bãi Trành						
1	MN Bãi Trành	2	16	258			
	-Điểm chính	1	12	211			
	-Điểm lẻ Thôn 10	1	4	47			1

2	<i>TH Bãi Trành</i>	4	24	562			
	-Điểm Chính	1	13	318			
	-Điểm lẻ Thôn Me	1	4	104	Tháng 1/2024 chuyển về khu chính		
	-Điểm lẻ Xuân Khánh	1	2	42	Tháng 1/2024 chuyển về khu chính		
	-Điểm lẻ Thôn 10	1	5	98			1
VII	Xã Tân Bình						
1	<i>MN Tân Bình</i>	3	13	209			
	-Điểm chính	1	5	86			
	-Điểm lẻ Thanh Bình	1	5	81			1
	-Điểm lẻ Mai Thắng	1	3	42	Chuyển về khu chính		
2	<i>TH&THCS Tân Bình</i>	2	12	283			
	-Điểm chính	1	7	192			
	-Điểm lẻ Đức Bình	1	5	91			1
VIII	Xã Thanh Hòa						
1	<i>MN Thanh Hòa</i>	2	9	138			
	-Điểm chính	1	7	112			
	-Điểm lẻ Thanh Sơn	1	2	26			1
2	<i>TH&THCS Thanh Hòa</i>	2	12	221			
	-Điểm chính	1	8	195			
	-Điểm lẻ Thanh Sơn	1	4	26			1
IX	Xã Thanh Lâm						
1	<i>MN Thanh Lâm</i>	3	12	189			
	-Điểm chính	1	9	141			
	-Điểm Lẻ làng chảo	1	2	29			1
	-Điểm lẻ Làng Lự	1	1	19	Chuyển về khu chính		
2	<i>TH Thanh Lâm</i>	2	14	299			

	-Điểm chính	1	9	209			
	-Điểm lẻ Làng Lự	1	5	90	Chuyển về khu chính		
X	Xã Thanh Phong						
1	MN Thanh Phong	2	11	220			
	-Điểm chính	1	9	164			
	-Điểm lẻ Tân Hùng	1	2	56			1
2	TH Thanh Phong	3	9	335			
	-Điểm chính	1	3	221			
	-Điểm lẻ Tân Hùng	1	3	62			1
	-Điểm lẻ Xuân Phong	1	3	52	Chuyển về khu chính		
XI	Xã Thanh Quân						
1	MN Thanh Quân	3	20	328			
	-Điểm chính	1	13	214			
	-Điểm lẻ Lâu Quán	1	2	36			1
	-Điểm Lẻ Thống Nhất	1	5	78		Chuyển về khu chính	
2	TH Thanh Quân	3	25	546			
	-Điểm chính	1	13	315	Chuyển về khu Ná Hày		
	-Điểm lẻ Ná Hày	1	8	171			
	-Điểm lẻ Lâu Quán	1	4	60			1
XII	Xã Thanh Sơn						
1	MN Thanh Sơn	3	13	193			
	-Điểm chính	1	7	135			
	-Điểm Kẻ Mạnh	1	4	40	Chuyển về khu chính		
	-Điểm Hón Tĩnh	1	2	18			1
2	TH Thanh Sơn	3	15	257			
	-Điểm chính	1	8	193			
	-Điểm lẻ Hón Tĩnh	1	5	40			1

	-Điểm lẻ Kẻ Mạnh	1	2	24		Chuyển về khu chính		
XIII	Xã Thanh Xuân							
1	<i>MN Thanh Xuân</i>	3	13	216				
	-Điểm chính	1	6	114				
	-Điểm lẻ Thanh Đồng	1	5	75				1
	-Điểm lẻ Thanh Tiến	1	2	27	Chuyển về khu chính			
2	<i>TH Thanh Xuân</i>	2	10	232				
	-Điểm chính	1	5	140				
	-Điểm lẻ Đồng Phóng	1	5	92				1
XIV	Xã Thượng Ninh							
1	<i>MN Thượng Ninh</i>	3	24	392				
	-Điểm chính	1	17	284				
	-Điểm Khe khoai	1	3	40				1
	-Điểm Xuân Thượng	1	4	68			Chuyển về khu chính	
2	<i>TH Thượng Ninh</i>	4	29	693				
	-Điểm chính	1	14	379				
	-Điểm lẻ Tâm Phú Thành	1	5	133			Chuyển về khu chính	
	-Điểm lẻ Đức Thắng	1	5	114			Chuyển về khu chính	
	-Điểm lẻ Khe Khoai	1	5	67				1
XV	Xã Xuân Bình							
1	<i>MN Xuân Bình</i>	4	21	383				
	-Điểm chính	1	8	161				
	-Điểm lẻ Thôn Hào	1	5	86				1
	-Điểm lẻ thôn 12	1	5	87				1
	-Điểm lẻ Xuân Phú	1	3	49		Chuyển về khu chính		
2	<i>TH Xuân Bình</i>	3	27	608				
	-Điểm chính	1	15	350				

	-Điểm lẻ Xuân Hồng	1	6	126		Chuyển về khu chính		
	-Điểm lẻ Thôn 12	1	6	132				1
XVI	Xã Xuân Hòa							
1	<i>MN Xuân Hòa</i>	3	15	238				
	-Điểm chính	1	8	153				
	-Điểm lẻ Đồng Trinh	1	5	53				1
	-Điểm lẻ Thôn Giăng	1	2	32		Chuyển về khu chính		
2	<i>TH Xuân Hòa</i>	2	15	321				
	-Điểm chính	1	10	261				
	-Điểm lẻ Đồng Trinh	1	5	60				1
TỔNG					Sắp xếp 13 điểm lẻ	Sắp xếp 7 điểm lẻ	Số 4 điểm lẻ	32